

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 40



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huýnh Phương	Trưởng ban	
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

00
CỘT
CỘT
HỮU
PH
NB

Số tham chiếu: 61201381/22576278-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0402-2018-004-1



Đào Văn Thích
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 3732-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		310.282.150.991	289.250.564.783
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	94.607.135.889	110.345.444.910
111	1. Tiền		24.265.135.889	31.845.444.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.342.000.000	78.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		102.122.413.699	15.965.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.1	102.122.413.699	15.965.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		86.910.666.338	116.802.763.142
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	82.442.235.191	70.123.558.601
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		405.807.882	1.761.719.217
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	20.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	7.429.020.963	27.681.279.102
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(3.366.397.698)	(2.763.793.778)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.208.928.762	4.514.292.409
141	1. Hàng tồn kho		4.208.928.762	4.514.292.409
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.433.006.303	41.623.064.322
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	10	22.393.647.748	41.623.064.322
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	39.358.555	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.263.463.031.387	1.309.572.243.273
220	I. Tài sản cố định		1.011.284.126.648	1.066.249.451.102
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	993.963.806.221	1.049.850.392.275
222	Nguyên giá		2.570.563.169.449	2.549.387.413.656
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.576.599.363.228)	(1.499.537.021.381)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	17.320.320.427	16.399.058.827
228	Nguyên giá		22.291.322.400	20.763.322.400
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.971.001.973)	(4.364.263.573)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		3.298.419.989	10.433.402.018
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	3.298.419.989	10.433.402.018
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		116.781.700.397	87.049.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	6.2	35.612.700.397	5.880.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.3	81.169.000.000	81.169.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		132.098.784.353	145.840.390.153
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	3.737.765.386	1.092.858.126
269	2. Lợi thế thương mại	15	128.361.018.967	144.747.532.027
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.573.745.182.378	1.598.822.808.056

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		358.291.632.975	366.087.649.637
310	I. Nợ ngắn hạn		146.463.018.578	80.087.649.637
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		2.184.824.080	649.925.324
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		854.726.999	1.072.350.350
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	12.276.364.175	7.287.765.948
314	4. Phải trả người lao động		11.748.181.731	10.220.194.551
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.349.738.081	12.323.995.910
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	69.853.532.135	8.959.571.066
320	7. Vay ngắn hạn	19	44.000.000.000	38.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	1.195.651.377	1.573.846.488
330	II. Nợ dài hạn		211.828.614.397	286.000.000.000
338	1. Vay dài hạn	19	211.828.614.397	286.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	1.215.453.549.403	1.232.735.158.419
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.215.453.549.403	1.232.735.158.419
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		333.679.600.429	391.826.594.454
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		228.576.594.454	210.878.493.233
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		105.103.005.975	180.948.101.221
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		246.773.948.974	205.908.563.965
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.573.745.182.378	1.598.822.808.056





Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ	23.1	495.240.055.158	533.010.767.002
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán điện và cung cấp dịch vụ	23.1	495.240.055.158	533.010.767.002
11	4. Giá vốn về bán điện và dịch vụ cung cấp	24	(186.772.852.059)	(199.598.856.338)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán điện và cung cấp dịch vụ		308.467.203.099	333.411.910.664
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	16.325.519.909	11.172.040.389
22	7. Chi phí tài chính	25	(23.935.375.001)	(36.331.155.974)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.935.375.001)	(36.331.155.974)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	6.2	(157.299.603)	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(54.771.415.051)	(53.572.466.286)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		245.928.633.353	254.680.328.793
31	12. Thu nhập khác	27	3.025.266.544	6.278.328.180
32	13. Chi phí khác	27	(2.096.260.157)	(540.955.974)
40	14. Lợi nhuận khác	27	929.006.387	5.737.372.206
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		246.857.639.740	260.417.700.999
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(37.389.248.756)	(42.134.957.937)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		209.468.390.984	218.282.743.062
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		168.603.005.975	180.948.101.221
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		40.865.385.009	37.334.641.841
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.655	2.779
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	2.655	2.779


Nguyễn Trung Hiếu
Người lập


Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		246.857.639.740	260.417.700.999
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		96.313.436.995	99.460.395.051
03	Trích lập các khoản dự phòng	26	602.603.920	700.779.141
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.703.503.976)	(12.382.193.389)
06	Chi phí lãi vay	25	23.935.375.001	36.331.155.974
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		351.005.551.680	384.527.837.776
09	Giảm các khoản phải thu		29.392.428.859	37.957.449.240
10	Giảm hàng tồn kho		305.363.647	175.978.643
11	Giảm các khoản phải trả		(1.195.816.209)	(10.709.622.691)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.644.907.260)	1.486.827.600
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.154.620.227)	(36.190.158.968)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(31.567.225.665)	(35.038.149.313)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.898.630.000)	(3.451.517.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		315.242.144.824	338.758.645.287
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(25.621.810.389)	(17.644.488.527)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		723.636.363	1.210.153.000
23	Tiền chi cho vay, mua đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(203.009.000.000)	(121.187.000.000)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		136.851.586.301	124.681.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(29.890.000.000)	(43.289.631.309)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.869.519.483	12.488.940.398
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(104.076.068.242)	(43.741.026.438)

002
 CÔNG
 ÔP
 LUY
 HÁ
 Y BIN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(68.171.385.603)	(93.347.209.855)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	21.3	(158.733.000.000)	(127.010.557.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(226.904.385.603)	(220.357.767.355)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.738.309.021)	74.659.851.494
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		110.345.444.910	35.685.593.416
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	94.607.135.889	110.345.444.910



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

045
TY
IÂN
ĐIẾ
; B.
i.T.Y

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty (bao gồm văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 158 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 160 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng
<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49,00%	49,00%	Tổ dân phố số 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.	Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Như được trình bày ở Thuyết minh số 1, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một Chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và một công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh) và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được xác định căn cứ vào các hợp đồng mua bán điện được Công ty và công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện và được xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 97% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. NGHIỆP VỤ GÓP VỐN TRONG NĂM

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, công ty liên kết

Căn cứ theo Nghị quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Trong năm, theo thông báo góp vốn đợt 2 số 455/TB-TBC2 ngày 16 tháng 4 năm 2021 và thông báo góp vốn đợt 3 số 921/TB-TBC2 ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2, Công ty đã hoàn thành góp vốn bổ sung 29.890.000.000 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	76.834.174	755.213.195
Tiền gửi ngân hàng	24.188.301.715	31.090.231.715
Các khoản tương đương tiền (*)	70.342.000.000	78.500.000.000
TỔNG CỘNG	94.607.135.889	110.345.444.910

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,1%/năm đến 4,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3,7%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	102.122.413.699	102.122.413.699	15.965.000.000	15.965.000.000
TỔNG CỘNG	102.122.413.699	102.122.413.699	15.965.000.000	15.965.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 4 đến 9 tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 5,9%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 5,4%/năm đến 6%/năm).

6.2 Đầu tư vào công ty liên kết

		<i>Đơn vị tính: VND</i>
		<i>Công ty Cổ phần</i>
		<i>Đầu tư Thủy điện</i>
		<i>Thác Bà 2</i>
Giá trị đầu tư:		
Số đầu năm		5.880.000.000
- Góp vốn trong năm (*)		29.890.000.000
Số cuối năm		<u>35.770.000.000</u>
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:		
Số đầu năm		-
- Phần lỗ từ công ty liên kết		(157.299.603)
Số cuối năm		<u>(157.299.603)</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		5.880.000.000
Số cuối năm		<u>35.612.700.397</u>

(*) Như trình bày ở Thuyết minh số 4, trong năm 2021, Công ty đã góp vốn bổ sung với số tiền 29.890.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc		Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (i)	5,0%	48.550.000.000	-	(i)	5,0%	48.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (ii)	0,6%	32.619.000.000	-	56.400.000.000	0,6%	32.619.000.000	-	57.000.000.000
TỔNG CỘNG		81.169.000.000	-			81.169.000.000	-	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 12 năm 2021 là 18.800 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2020: 19.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	4.428.697.781	7.849.924.677
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	3.340.965.910	3.790.965.910
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	85.452.851	1.929.428.233
- Phải thu của khách hàng khác	1.002.279.020	2.129.530.534
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	78.013.537.410	62.273.633.924
TỔNG CỘNG	82.442.235.191	70.123.558.601
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.366.397.698)	(2.763.793.778)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.763.793.778	2.063.014.637
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	1.129.976.920	1.021.569.671
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(527.373.000)	(320.790.530)
Số cuối năm	3.366.397.698	2.763.793.778

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	4.380.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	583.681.569	568.041.431
Ký quỹ mở thư tín dụng, bảo lãnh	71.500.000	9.546.080.528
Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	14.349.463.900
Phải thu tiền cổ tức	-	750.000.000
Phải thu khác	2.393.839.394	2.467.693.243
TỔNG CỘNG	7.429.020.963	27.681.279.102
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	4.380.000.000	14.437.929.654
Phải thu ngắn hạn với bên khác	3.049.020.963	13.243.349.448

(*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum ủy thác cho Công ty TNHH Năng lượng R.E.E để đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ký ngày 2 tháng 4 năm 2021. Theo như quy định của Hợp đồng Ủy thác này, Công ty TNHH Năng lượng R.E.E toàn quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	3.824.679.686	-	4.009.565.139	-
Công cụ, dụng cụ	74.686.407	-	88.756.042	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	309.562.669	-	415.971.228	-
TỔNG CỘNG	4.208.928.762	-	4.514.292.409	-

10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Khoản thuế GTGT được khấu trừ có giá trị 22.393.647.748 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 41.623.064.322 VND ngày 31 tháng 12 năm 2020 phát sinh chủ yếu từ các giao dịch Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – công ty con của Công ty nhận chuyển nhượng tài sản trong năm 2019 (chủ yếu bao gồm khối nhà cửa, vật kiến trúc của Nhà máy Thủy điện Mường Hum) từ Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ trong năm 2019.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.344.924.736.196	1.171.318.574.503	25.169.774.223	7.023.775.234	950.553.500	2.549.387.413.656
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	18.841.593.156	3.419.600.690	-	-	22.261.193.846
- Mua trong năm	82.328.000	671.900.000	-	535.090.000	-	1.289.318.000
- Thanh lý, nhượng bán	(204.226.560)	(537.269.579)	(318.181.818)	(1.315.078.096)	-	(2.374.756.053)
Số cuối năm	1.344.802.837.636	1.190.294.798.080	28.271.193.095	6.243.787.138	950.553.500	2.570.563.169.449
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	14.462.925.162	505.994.356.684	11.337.900.642	3.487.207.852	850.490.682	536.132.881.022
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	538.800.152.915	938.549.926.233	15.565.605.135	5.741.350.049	879.987.049	1.499.537.021.381
- Khấu hao trong năm	40.559.093.718	36.738.403.993	1.557.859.078	457.062.579	42.931.278	79.355.350.646
- Thanh lý, nhượng bán	(204.226.560)	(455.522.325)	(318.181.818)	(1.315.078.096)	-	(2.293.008.799)
Số cuối năm	579.155.020.073	974.832.807.901	16.805.282.395	4.883.334.532	922.918.327	1.576.599.363.228
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	806.124.583.281	232.768.648.270	9.604.169.088	1.282.425.185	70.566.451	1.049.850.392.275
Số cuối năm	765.647.817.563	215.461.990.179	11.465.910.700	1.360.452.606	27.635.173	993.963.806.221

Công ty con của Công ty đã sử dụng hầu hết các tài sản cố định bao gồm các công trình xây dựng trên đất có nguyên giá là 646.148.157.528 VND làm tài sản đảm bảo cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	20.558.322.400	205.000.000	20.763.322.400
- Mua trong năm	-	1.528.000.000	1.528.000.000
Số cuối năm	<u>20.558.322.400</u>	<u>1.733.000.000</u>	<u>22.291.322.400</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	4.338.328.090	25.935.483	4.364.263.573
- Hao mòn trong năm	411.166.452	195.571.948	606.738.400
Số cuối năm	<u>4.749.494.542</u>	<u>221.507.431</u>	<u>4.971.001.973</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>16.219.994.310</u>	<u>179.064.517</u>	<u>16.399.058.827</u>
Số cuối năm	<u>15.808.827.858</u>	<u>1.511.492.569</u>	<u>17.320.320.427</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy nhà máy Thủy điện Thác Bà	3.298.419.989	-
Dự án nâng cấp hệ thống DCS	-	9.230.801.328
Hệ thống kích từ, điều tốc của các tổ máy phát điện và hệ thống rơ le đường dây 110KV đến DCS	-	760.000.000
Hệ thống ống dẫn nước về hồ thủy điện Bản Xèo	-	442.600.690
TỔNG CỘNG	<u>3.298.419.989</u>	<u>10.433.402.018</u>

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa lớn	2.258.447.177	220.839.227
Công cụ dụng cụ	511.500.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	967.818.209	872.018.899
TỔNG CỘNG	<u>3.737.765.386</u>	<u>1.092.858.126</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

*Công ty Cổ phần Thủy
điện Mường Hum*

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 163.865.130.597

Phân bổ lũy kế:

Số đầu năm 19.117.598.570

- Phân bổ trong năm 16.386.513.060

Số cuối năm 35.504.111.630

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 144.747.532.027

Số cuối năm 128.361.018.967

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	127.129.240	127.129.240	-
Thuế tài nguyên	-	742.932.203	742.932.203	-
Thuế khác	-	39.358.555	-	39.358.555
TỔNG CỘNG	-	909.419.998	870.061.443	39.358.555

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	3.143.015.856	37.389.248.756	31.567.225.665	8.965.038.947
Thuế tài nguyên	1.597.228.470	46.378.948.722	46.062.152.588	1.914.024.604
Thuế giá trị gia tăng	1.932.058.157	28.451.274.358	29.070.924.892	1.312.407.623
Thuế thu nhập cá nhân	127.771.306	1.745.566.574	1.788.444.879	84.893.001
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	487.692.159	6.517.614.091	7.005.306.250	-
Thuế khác	-	1.590.742.301	1.590.742.301	-
TỔNG CỘNG	7.287.765.948	122.073.394.802	117.084.796.575	12.276.364.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	4.070.738.081	5.289.983.307
Mua sắm tài sản cố định	-	4.430.799.603
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.766.288.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	279.000.000	836.925.000
TỔNG CỘNG	<u>4.349.738.081</u>	<u>12.323.995.910</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả	63.663.891.749	146.891.749
Phí bảo vệ môi trường rừng	3.648.256.992	5.465.244.096
Thù lao hỗ trợ công tác quản lý điều hành	90.000.000	455.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	2.451.383.394	2.892.435.221
TỔNG CỘNG	<u>69.853.532.135</u>	<u>8.959.571.066</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	38.000.000.000	38.000.000.000	74.171.385.603	68.171.385.603	44.000.000.000	44.000.000.000	44.000.000.000	
	38.000.000.000	38.000.000.000	74.171.385.603	68.171.385.603	44.000.000.000	44.000.000.000	44.000.000.000	
Vay dài hạn								
Vay dài hạn ngân hàng	286.000.000.000	286.000.000.000	-	74.171.385.603	211.828.614.397	211.828.614.397	211.828.614.397	
	286.000.000.000	286.000.000.000	-	74.171.385.603	211.828.614.397	211.828.614.397	211.828.614.397	
TỔNG CỘNG	324.000.000.000	324.000.000.000	74.171.385.603	112.171.385.603	255.828.614.397	255.828.614.397	255.828.614.397	

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng / Hợp đồng vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội				
01/2019-HDDCVDADD/NHCT106-MHP	255.828.614.397	Gốc và lãi vay trả hàng quý, đến tháng 9 năm 2026	8, 10% - 8, 85%	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy thủy điện Mường Hum, tại xã Mường Hum, xã Dền Thàng và xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
TỔNG CỘNG	255.828.614.397			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	44.000.000.000			
Vay dài hạn	211.828.614.397			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.573.846.488	1.613.787.982
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm (Thuyết minh số 21.1)	4.000.000.000	3.500.000.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 21.1)	500.000.000	-
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(4.878.195.111)	(3.539.941.494)
Khấu hao từ tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	(35.165.111)	(56.730.312)
Số cuối năm	1.195.651.377	1.573.846.488

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	635.000.000.000	341.805.052.940	168.707.362.417	1.145.512.415.357
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	180.948.101.221	37.334.641.841	218.282.743.062
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20)	-	(3.500.000.000)	-	(3.500.000.000)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019	-	(127.000.000.000)	-	(127.000.000.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	-	(288.000.000)	-	(288.000.000)
- Giảm khác	-	(426.559.707)	(133.440.293)	(272.000.000)
Số cuối năm	635.000.000.000	391.538.594.454	205.908.563.965	1.232.735.158.419
Năm nay				
Số đầu năm	635.000.000.000	391.826.594.454	205.908.563.965	1.232.735.158.419
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	168.603.005.975	40.865.385.009	209.468.390.984
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (Thuyết minh số 20)	-	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 (*)	-	(158.750.000.000)	-	(158.750.000.000)
- Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 (**)	-	(63.500.000.000)	-	(63.500.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 20) (**)	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Số cuối năm	635.000.000.000	333.679.600.429	246.773.948.974	1.215.453.549.403

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế và quỹ thưởng Ban điều hành Công ty từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 được thực hiện theo Nghị quyết số 422/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

(**) Việc tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 được thực hiện theo Nghị quyết số 2020/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Quản trị của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu	
			ưu đãi			ưu đãi	
Vốn góp cổ đông	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-	
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-	

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Cổ đông	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	635.000.000.000	100%

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	222.250.000.000	127.000.000.000
Cổ tức đã trả	158.733.000.000	127.010.557.500

21.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2019: 2.000 VND/cổ phiếu	-	127.000.000.000
Cổ tức cho năm 2020: 2.500 VND/cổ phiếu (*)	158.750.000.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2021: 1.000 VND/cổ phiếu	63.500.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 (*)	-	63.500.000.000

(*) Số cổ tức 158.750.000.000 VND đã bao gồm khoản tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020 là 63.500.000.000 VND theo Nghị quyết số 104/NQ-TĐTB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 19 tháng 1 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	VND	Số lượng (cổ phiếu)	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	167	194

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	495.240.055.158	533.010.767.002
Trong đó		
<i>Doanh thu bán điện</i>	480.390.827.325	521.492.949.330
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	14.849.227.833	11.517.817.672
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	495.240.055.158	533.010.767.002
Trong đó:		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	14.640.136.923	11.481.454.036
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	480.599.918.235	521.529.312.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.025.000.000	6.050.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.300.519.909	5.122.040.389
TỔNG CỘNG	16.325.519.909	11.172.040.389

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	185.331.173.291	195.271.173.405
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.441.678.768	4.327.682.933
TỔNG CỘNG	186.772.852.059	199.598.856.338

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	23.935.375.001	36.331.155.974
TỔNG CỘNG	23.935.375.001	36.331.155.974

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	18.137.112.726	17.085.215.417
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	19.116.680.137	19.015.698.707
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	1.136.171.935	734.195.644
Trích lập dự phòng	602.603.920	700.779.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.674.048.463	7.948.900.328
Chi phí khác	10.104.797.870	8.087.677.049
TỔNG CỘNG	54.771.415.051	53.572.466.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	3.025.266.544	6.278.328.180
Thu nhập do phạt vi phạm hợp đồng	1.482.098.130	3.984.405.553
Thù lao, phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	747.641.400	1.042.824.691
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	723.636.363	1.090.153.010
Thu nhập khác	71.890.651	160.944.926
Chi phí khác	2.096.260.157	540.955.974
Chi phí thiệt hại do vi phạm hợp đồng	899.525.992	-
Chi phí phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	558.000.000	519.000.000
Chi phí khác	638.734.165	21.955.974
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	929.006.387	5.737.372.206

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.434.079.212	4.620.564.092
Chi phí nhân công	47.214.810.336	47.382.973.678
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	96.348.602.115	99.460.395.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.778.819.441	16.725.859.768
Chi phí khác	82.874.364.565	84.814.032.640
TỔNG CỘNG	241.650.675.669	253.003.825.229

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo tỉ lệ cho từng dự án nhà máy thủy điện, cụ thể như sau:

Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế cho đến hết năm 2025. Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Hum được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2018 đến năm 2026).

Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo

Mức thuế TNDN áp dụng cho nhà máy này là 10% thu nhập chịu thuế đến năm 2033. Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Xèo được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2020 đến năm 2023) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm (từ năm 2024 đến năm 2032).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.389.248.756	42.134.957.937
TỔNG CỘNG	37.389.248.756	42.134.957.937

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	246.857.639.740	260.417.700.999
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con	40.716.196.736	44.441.938.763
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	388.416.227
Phân bổ lợi thế thương mại	3.277.302.612	3.277.302.612
Chi phí không được khấu trừ khác	398.872.200	271.956.419
Điều chỉnh khác do hợp nhất	31.459.921	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.049.772.166)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.805.000.000)	(1.210.000.000)
Chi phí lãi vay không được trừ năm trước chuyển sang	(1.272.360.922)	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	(3.957.221.791)	(3.984.883.918)
Chi phí thuế TNDN	37.389.248.756	42.134.957.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Chi phí lãi vay không được khấu trừ chuyển sang từ các năm trước

Theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”), công ty con của Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ theo quy định tại Nghị định 132 phát sinh trong các năm tài chính trước liên tục trong vòng 5 năm sang các kỳ tiếp theo để xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của các kỳ tiếp theo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, công ty con của Công ty có tổng số chi phí lãi vay không được khấu trừ phát sinh trong các năm trước còn được chuyển sang các năm tiếp theo chi tiết như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>					
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển đến năm</i>	<i>Chi phí lãi vay không được khấu trừ</i>	<i>Đã khấu trừ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Còn được khấu trừ</i>	<i>Còn được khấu trừ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
2019	2024	43.868.975.780	(12.723.609.223)	31.145.366.557	31.145.366.557
2020	2025	1.942.081.130	-	1.942.081.130	1.942.081.130
TỔNG CỘNG		45.811.056.910	(12.723.609.223)	33.087.447.687	33.087.447.687

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ nêu trên do tại thời điểm hiện tại Công ty chưa chắc chắn có thể sử dụng phần chi phí lãi vay không được khấu trừ này để giảm thu nhập chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	480.390.827.325	521.492.949.330
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức công bố và thanh toán	95.912.920.000	-
		Ủy thác đầu tư	4.380.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Công ty mẹ cấp 1 (*)	Cổ tức công bố	-	76.730.336.000
		Cho vay ngắn hạn	-	46.000.000.000
		Thu hồi tiền cho vay	-	46.000.000.000
		Lãi tiền cho vay	-	203.534.247
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố và thanh toán	47.625.000.000	38.100.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết của công ty mẹ cấp 1	Cho vay ngắn hạn	-	20.000.000.000
		Thu hồi tiền cho vay	20.000.000.000	-
		Lãi tiền cho vay	883.287.672	637.260.275
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Góp vốn	29.890.000.000	5.880.000.000
		Doanh thu về cung cấp dịch vụ	209.090.910	36.363.636

(*) Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh là công ty mẹ của Công ty TNHH Năng lượng R.E.E.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ, ủy thác đầu tư với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty và công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	77.983.537.410	62.233.633.924
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Phải thu về cung cấp dịch vụ	30.000.000	40.000.000
TỔNG CỘNG			78.013.537.410	62.273.633.924
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	14.376.833.763
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Phải thu lãi tiền cho vay	-	61.095.891
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ (từ ngày 16 tháng 11 năm 2020)	Phải thu về hợp đồng ủy thác đầu tư	4.380.000.000	-
TỔNG CỘNG			4.380.000.000	14.437.929.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021/ Miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2021)	36.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	1.080.000.000	1.116.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	680.000.000	687.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	668.000.000	672.000.000
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	72.000.000	72.000.000
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021)	45.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020 /miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2021)	15.000.000	45.000.000
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2020)	-	15.000.000
TỔNG CỘNG		2.872.000.000	2.883.000.000

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	168.603.005.975	180.948.101.221
Quý khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	-	(4.500.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	168.603.005.975	176.448.101.221
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.655	2.779
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.655	2.779

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 422/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính năm.

32. CÁC CAM KẾT

Cam kết về đầu tư góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có cam kết góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền 68.124.000.000 VND theo Nghị quyết số 910/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

